

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO VIỆC PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ ĐỌC VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC TẬP SUỐT ĐỜI CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Lê Thị Hương

Khoa CNTT, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

Tóm tắt: Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào phát triển văn hóa đọc và nâng cao năng lực tự học suốt đời không còn là một lựa chọn mà là một yêu cầu tự thân của sinh viên trong thời đại số. Công nghệ thông tin mang đến một đại dương tri thức không giới hạn, nhưng cũng chứa đựng những luồng xoáy xao nhãng và sự hời hợt trong tư duy. Để trở thành một “người học suốt đời” thành công, sinh viên cần có sự kết hợp hài hòa giữa “sức mạnh công nghệ” và “bản lĩnh cá nhân”. Công nghệ thông tin cung cấp phương tiện, nhưng văn hóa đọc và tinh thần tự học mới là kim chỉ nam dẫn lối trên bước đường thành công của mỗi người.

Từ khóa: Ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển văn hóa đọc, năng lực tự học suốt đời, sinh viên, Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải.

APPLYING INFORMATION TECHNOLOGY TO DEVELOP A READING CULTURE AND ENHANCE LIFELONG LEARNING SKILLS FOR STUDENTS AT THE UNIVERSITY OF TRANSPORT TECHNOLOGY

Abstract: The application of information technology to developing a reading culture and enhancing lifelong learning abilities is no longer an option but a self-imposed requirement for students in the digital age. Information technology offers an unlimited ocean of knowledge, but it also contains currents of distraction and superficial thinking.

To become a successful “lifelong learner,” students need a harmonious combination of “technological power” and “personal strength.” Information technology provides the tools, but a reading culture and a spirit of self-learning are the guiding principles on each individual’s path to success.

Keywords: Application of information technology, development of reading culture, lifelong self-learning ability, students, University of Transport Technology.

Nhận bài: 20/11/2025

Phản biện: 17/12/2025

Duyệt đăng: 21/12/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong kỷ nguyên số, tri thức không còn là những trang sách giấy nằm yên trên giá sách mà đã trở thành một dòng chảy cuộn cuộn trên không gian mạng. Đối với sinh viên, việc ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) không chỉ đơn thuần là công cụ hỗ trợ, mà còn là yếu tố cốt lõi để hình thành văn hóa đọc hiện đại và xây dựng năng lực tự học tập suốt đời đây là những kỹ năng sống còn để thích nghi với sự biến đổi không ngừng của xã hội.

Sự bùng nổ của Cách mạng công nghiệp 4.0 đã làm thay đổi diện mạo của giáo dục toàn cầu. Tri thức không còn là đặc quyền của giảng đường mà đã trở thành tài sản dùng chung trên không gian số. Văn hóa đọc và năng lực tự học là hai trụ cột của giáo dục đại học. Tuy nhiên, trong bối cảnh số hoá, chúng đang đứng trước những biến đổi sâu sắc. Bài viết phân tích vai trò của CNTT như một hệ sinh thái hỗ trợ, thúc đẩy sự chuyển đổi từ đọc truyền thống sang đọc số và từ học tập thụ động sang tự học chủ động suốt đời giúp người lao động có khả năng thích ứng ngày càng tốt hơn với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường sống và thị trường lao động.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận về văn hoá đọc và tự học trong kỷ nguyên số

2.1.1. Khái niệm văn hóa đọc số (Digital Reading Culture)

Văn hóa đọc không chỉ là việc tiếp nhận mặt chữ, mà là quá trình tư duy, chiêm nghiệm. Trong kỷ nguyên CNTT, văn hóa đọc chuyển dịch từ “đọc tuyến tính” (linear reading) sang “đọc liên kết” (hyperlink reading).

Văn hóa đọc (Reading Culture): Văn hóa đọc không đơn thuần là hành vi đọc sách, mà là một hệ thống các giá trị, chuẩn mực và thói quen tiếp nhận tri thức.

Harold Bloom (Nhà phê bình và giáo dục học đại học Yale): Ông coi việc đọc là một hành động mang tính cá nhân cao độ nhằm phát triển “cái tôi” độc lập. Theo Bloom, đọc không phải để thu thập dữ liệu mà là để khai phóng tư duy và đối thoại với những tư tưởng vĩ đại của nhân loại. Trong kỷ nguyên số, định nghĩa này nhấn mạnh rằng sinh viên cần đọc để hiểu sâu, thay vì chỉ đọc để lấy thông tin bề nổi.

Mortimer Adler (Tác giả cuốn “How to Read a Book”): Ông phân định rõ giữa đọc để giải trí và đọc để thấu hiểu. Ông cho rằng văn hóa đọc đích thực đòi hỏi sự nỗ lực của trí tuệ, nơi người đọc phải đặt câu hỏi và phản biện lại văn bản. Điều này cực kỳ quan trọng khi sinh viên đọc trên môi trường số – nơi các siêu liên kết (hyperlinks) dễ làm đứt gãy sự tập trung cần thiết cho việc “thấu hiểu” theo tiêu chuẩn của Adler.

2.1.2. Định nghĩa về tự học và học tập suốt đời (Self-Directed Learning & Lifelong Learning)

Tự học là “trái tim” của giáo dục đại học, nơi vai trò của người thầy chuyển từ người truyền thụ sang người hướng dẫn.

Malcolm Knowles (Cha đẻ của lý thuyết học tập ở người trưởng thành - Andragogy): Ông định nghĩa tự học (Self-Directed Learning) là một quá trình trong đó cá nhân chủ động thực hiện 5 bước: (1) Chẩn đoán nhu cầu học tập, (2) Xác định mục tiêu, (3) Tìm kiếm nguồn lực, (4) Lựa chọn chiến lược và (5) Đánh giá kết quả. CNTT hiện nay chính là “kho nguồn lực” khổng lồ nhất để sinh viên thực hiện bước thứ 3 trong mô hình của Knowles.

John Dewey (Nhà triết học, giáo dục học thực dụng): Dewey quan niệm học tập là một quá trình liên tục được tái cấu trúc thông qua trải nghiệm. Ông nhấn mạnh rằng “Giáo dục không phải là chuẩn bị cho cuộc sống; giáo dục chính là cuộc

sống”. Quan điểm này đặt nền móng cho khái niệm học tập suốt đời: sinh viên không học để tốt nghiệp, mà học để không ngừng thích nghi với một thế giới luôn biến đổi.

Alvin Toffler (Nhà tương lai học): Ông có một câu nói nổi tiếng thường được trích dẫn trong các bài luận về kỷ nguyên số: “Những người mù chữ trong thế kỷ 21 sẽ không phải là những người không biết đọc, không biết viết, mà là những người không biết học hỏi, từ bỏ những gì đã học và học lại (Learn, Unlearn, Relearn)”. Đây là định nghĩa hiện đại nhất về năng lực tự học trong môi trường CNTT.

Năng lực tự học suốt đời (Lifelong Learning): là khả năng tự xác định mục tiêu, tìm kiếm nguồn lực và đánh giá kết quả. CNTT đóng vai trò là “môi trường trung gian” giúp quá trình này diễn ra liên tục, không bị giới hạn bởi tuổi tác hay bằng cấp.

2.1.3. Sự giao thoa giữa văn hóa đọc và tự học trong môi trường số

Trong môi trường đại học hiện đại, hai khái niệm này không tách rời mà tạo thành một vòng lặp cộng hưởng: Đọc là phương thức của tự học, không có văn hóa đọc tốt, sinh viên không thể tự chiếm lĩnh tri thức chuyên sâu.

Tự học là mục tiêu của đọc: Đọc không chỉ để tích lũy mà để trang bị kỹ năng giải quyết vấn đề độc lập.

Bảng so sánh tư duy giáo dục truyền thống và hiện đại

Tư duy truyền thống	Tư duy kỷ nguyên số (CNTT)
1. Sinh viên tiếp nhận tri thức thụ động (Passive). 2. Nguồn tri thức: Sách giáo trình, Giảng viên. 3. Không gian học: Lớp học, thư viện vật lý. 4. Mục tiêu: Bằng cấp, điểm số.	1. Sinh viên tiếp nhận tri thức chủ động kiến tạo (Proactive/Constructive) 2. Nguồn tri thức: Nền tảng đa phương tiện; kho tàng số; cộng đồng mạng. 3. Không gian học: Mọi lúc, mọi nơi (Ubiquitous learning). 4. Mục tiêu: Năng lực thích ứng, học tập suốt đời.

2.2. Tính ưu việt của công nghệ thông tin trong phát triển văn hóa đọc

CNTT mang đến một loạt lợi ích đáng kể cho việc phát triển văn hóa đọc (VHĐ). Hiện nay, việc sử dụng thiết bị di động, máy tính và các ứng dụng đọc sách điện tử giúp mọi người tiếp cận dễ dàng và thuận tiện đến nguồn tài liệu, tài nguyên học. Ngoài ra, các công cụ tìm kiếm trực tuyến và các nền tảng chia sẻ sách điện tử tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm và chia sẻ thông tin văn hóa đọc. Hơn nữa, CNTT cung cấp một môi trường

tương tác và thú vị hơn cho người đọc thông qua các tính năng như đánh giá sách, bình luận, thảo luận trực tuyến và giao tiếp với các tác giả.

Một số ứng dụng của CNTT trong việc phát triển văn hóa đọc như sau:

Thứ nhất, sách điện tử (e-books) là một trong những ứng dụng phổ biến của CNTT trong việc phát triển văn hóa đọc. Sách điện tử là sách được biểu diễn dưới dạng số và có thể được đọc trên các thiết bị di động như điện thoại thông minh, máy tính bảng hoặc máy đọc sách chuyên dụng.

Sách điện tử có nhiều ưu điểm so với sách giấy truyền thống như: tiết kiệm chi phí in ấn và phân phối; tiết kiệm không gian lưu trữ; tiết kiệm thời gian tìm kiếm và mua sách; có thể điều chỉnh kích thước chữ, độ sáng màn hình và màu sắc theo sở thích; có thể tra cứu từ điển hoặc tham khảo nguồn khác một cách nhanh chóng; có thể ghi chú, đánh dấu hoặc chia sẻ nội dung sách với người khác.

Thứ hai, thư viện số (digital libraries) là một ứng dụng khác của CNTT trong việc phát triển VHD. Thư viện số là một loại thư viện mà các tài liệu được lưu trữ và truy cập dưới dạng số qua internet. Thư viện số có nhiều lợi ích so với thư viện truyền thống như: có khả năng lưu trữ và bảo quản lâu dài các tài liệu quý hiếm hoặc dễ hỏng; có khả năng cung cấp và phục vụ người dùng không giới hạn về không gian và thời gian; có khả năng tìm kiếm và truy xuất thông tin một cách chính xác và hiệu quả; có khả năng kết nối và hợp tác với các thư viện khác để chia sẻ nguồn lực.

Thứ ba, mạng xã hội văn hóa đọc (social reading networks) là một ứng dụng mới của CNTT trong việc phát triển VHD. Mạng xã hội VHD là một loại mạng xã hội trực tuyến mà người dùng có thể chia sẻ những quan điểm, ý kiến, cảm nhận về các cuốn sách hoặc các tác phẩm văn học mà họ đã đọc hoặc muốn đọc. Mạng xã hội văn hóa đọc có nhiều lợi ích cho người đọc như: có thể khám phá được những cuốn sách mới hay phù hợp với sở thích; có thể nhận được những gợi ý, lời khuyên hoặc nhận xét từ những người đọc khác; có thể tham gia vào các cuộc thảo luận, tranh luận hoặc giao lưu với các tác giả hoặc các chuyên gia; có thể tạo ra những cộng đồng đọc sách hoặc những sự kiện liên quan đến sách.

2.3. Vai trò của công nghệ thông tin trong phát triển văn hóa đọc

Thứ nhất, CNTT giúp người đọc tiếp cận sách dễ dàng và nhanh chóng. CNTT giúp cho việc tìm kiếm, khai thác và sử dụng tài liệu văn hóa đọc trở nên dễ dàng hơn. Các ứng dụng đọc sách điện tử và các trang web cung cấp thông tin về sách giúp cho người đọc có thể tiếp cận với tri thức một cách nhanh chóng và thuận tiện hơn. Ngoài ra, CNTT cũng giúp cho việc phổ biến sách, báo, tạp chí trở nên dễ dàng hơn thông qua các kênh truyền thông xã hội và các ứng dụng di động.

Thứ hai, mở rộng nguồn tài liệu và kênh tiếp cận. Công nghệ giúp kết nối hàng triệu cuốn sách, bài viết, tài liệu học thuật và nghiên cứu từ khắp nơi trên thế giới. Các nền tảng như Google

Books, thư viện số, các kho tài nguyên học thuật (JSTOR, ResearchGate) cung cấp một kho tàng tri thức khổng lồ mà người đọc có thể dễ dàng truy cập. CNTT phát triển làm cho đời sống xã hội thay đổi theo hướng tích cực và dân chủ hơn. Sự phát triển của CNTT tác động mạnh mẽ đến nhận thức và giải phóng nhận thức của con người. Người dân có nhiều kênh thông tin không chỉ để tiếp thu kiến thức, mà còn để truyền đạt, bày tỏ ý kiến trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể quản lý và phát triển xã hội.

Thứ ba, khuyến khích thói quen đọc sách. Các ứng dụng và nền tảng số có thể cung cấp các tính năng như gợi ý sách, đánh giá sách, thảo luận trực tuyến, giúp người đọc tìm thấy những cuốn sách thú vị. Đồng thời, các công cụ này cũng giúp xây dựng thói quen đọc sách bằng cách tạo ra các thách thức đọc, chia sẻ thành tích và kết nối cộng đồng đọc.

Thứ tư, đưa văn hóa đọc đến gần hơn với mọi người. Công nghệ giúp loại bỏ các rào cản về không gian và thời gian, từ đó đưa văn hóa đọc đến gần hơn với mọi đối tượng người đọc. Không ai bị giới hạn bởi việc không có thư viện gần nhà hay không đủ khả năng mua sách giấy. Tất cả đều có thể tiếp cận được với một chiếc điện thoại thông minh hoặc máy tính.

Thứ năm, tăng cường hợp tác và chia sẻ kiến thức. CNTT phát triển đã tạo môi trường, điều kiện để hình thành và phát triển xã hội học tập. Nếu trước đây người học phải đến trường tại một địa điểm cụ thể, việc học tập phụ thuộc vào kết cấu hạ tầng, như giao thông, cơ sở vật chất của trường học. Các cộng đồng đọc trực tuyến, câu lạc bộ sách và diễn đàn trao đổi kiến thức tạo cơ hội để người đọc chia sẻ ý tưởng, trao đổi về sách, thảo luận các chủ đề, lĩnh vực tri thức. Điều này không chỉ phát triển văn hóa đọc mà còn nâng cao khả năng tư duy và tiếp thu kiến thức.

Thứ sáu, thúc đẩy phát triển kinh tế. CNTT phát triển đã hình thành các ngành công nghiệp văn hóa, thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa có điều kiện mở rộng cả về quy mô, tốc độ và cường độ phát triển; tạo điều kiện hưởng thụ, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, truyền bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài; tạo sức mạnh mềm, nhân rộng ảnh hưởng đến giao lưu, hợp tác quốc tế. Khoa học và công nghệ cũng làm xuất hiện nhiều ngành, nghề mới, nhiều loại kinh doanh mới hiệu quả và hiện đại, làm cho tư duy, lối sống của người Việt Nam ngày một năng động.

Thứ bảy, tiết kiệm chi phí và bảo vệ môi trường. Việc chuyển từ sách giấy sang sách điện tử giúp tiết kiệm chi phí sản xuất sách và giảm thiểu lượng giấy sử dụng, qua đó bảo vệ môi trường. CNTT giúp việc xuất bản sách trở nên dễ dàng và chi phí thấp hơn, mở rộng cơ hội tiếp cận sách cho nhiều người hơn. CNTT không chỉ giúp giảm chi phí trong việc phát triển văn hóa đọc mà còn đóng góp vào bảo vệ môi trường. Thông qua việc chuyển đổi sang các hình thức sách điện tử và tài liệu trực tuyến, chúng ta có thể tiết kiệm chi phí, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giảm rác thải và hỗ trợ các mô hình giáo dục bền vững.

2.4. Vai trò của việc nâng cao năng lực tự học tập suốt đời trong kỷ nguyên số

Tự học là con đường bên trong của sự phát triển trí tuệ và nhân cách, là yếu tố quyết định đến sự thành công của mỗi cá nhân, là khả năng thích ứng của con người với những yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Tự học càng có vai trò quan trọng trong kỷ nguyên của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư – kỷ nguyên của trí tuệ nhân tạo và tự động hóa đang phát triển nhanh chóng. Nếu không có kỹ năng tự học tốt thì bản thân mỗi cá nhân sẽ bị lùi lại phía sau. Nhưng khoa học và công nghệ phát triển cũng tạo ra cơ hội và điều kiện cho mỗi chúng ta có phương pháp và phương tiện tự học tốt hơn.

Trong thời kỳ hội nhập và phát triển, dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, thông qua các công nghệ như Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo, điện toán đám mây, thế giới thực đang dần bị chuyển hóa thành thế giới số. Những công việc lặp đi lặp lại nhiều như may mặc, giày da,... sẽ mất an toàn nhất. Các công việc văn phòng thông thường sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất. Đó là những công việc không cần bằng cấp mà chỉ cần dựa trên các quy trình chuẩn. Cách thức tự động hóa các công việc đó khá đơn giản và cắt giảm rất nhiều chi phí, không chỉ bằng máy móc mà còn bằng các thuật toán. Nhiều việc làm trong tương lai có thể sẽ bị những cảm biến do máy tính điều khiển thay thế. Có một số diễn đàn ước tính, sẽ có khoảng 70% – 80% công việc hiện nay biến mất trong 20 năm tới. Không điều gì chắc chắn rằng, nhiều công việc, ngành nghề sinh viên đang học sẽ còn được tuyển dụng trong tương lai. Kỷ nguyên số và trí tuệ nhân tạo sẽ làm thay đổi cuộc sống. Google sẽ phủ sóng Wi-Fi toàn thế giới giúp sự giao tiếp giữa con người với thế giới ảo nhanh chóng. Xe chạy đã không cần đến tài xế, nhiều nhà máy trên thế giới chỉ có robot làm việc...

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng đặt ra cho giáo dục đại học trước nhiều thách thức rất lớn. Đặc biệt, tiến bộ CNTT cũng làm xuất hiện những loại hình đào tạo mới. Hệ thống đào tạo trực tuyến đại chúng, đào tạo “online”... là những loại hình đào tạo mới thách thức các phương thức đào tạo truyền thống. Những thách thức này đặt ra yêu cầu cho các trường đại học phải giáo dục sinh viên có được kỹ năng đọc và tự học tập suốt đời giúp các em thích ứng tốt nhất với sự thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động toàn cầu.

2.5. Một số giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin vào việc phát triển văn hoá đọc và năng lực tự học tập suốt đời cho sinh viên trường Đại học công nghệ Giao thông vận tải

Để biến thách thức thành cơ hội, cần một chiến lược tác động đa chiều từ cấp quản lý vĩ mô đến ý thức tự giác của từng cá nhân sinh viên.

Về phía Nhà trường: Nhà trường không chỉ là nơi truyền thụ kiến thức mà phải trở thành một "Hệ sinh thái học tập số".

Xây dựng và kết nối thư viện số dùng chung: Thay vì các thư viện hoạt động đơn lẻ, cần xây dựng mạng lưới liên thông thư viện số giữa các trường đại học. Điều này cho phép sinh viên tiếp cận nguồn tài liệu chéo, tối ưu hóa chi phí bản quyền sách điện tử quốc tế.

Tích hợp kỹ năng số vào chương trình chính khóa: Đào tạo "Năng lực thông tin" (Information Literacy) phải trở thành môn học bắt buộc. Sinh viên cần được dạy cách truy vấn nâng cao trên Google Scholar, cách sử dụng các phần mềm quản lý trích dẫn (như Zotero, Mendeley) và cách đánh giá độ tin cậy của nguồn tin mạng.

Đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá: Chuyển từ thi cử ghi nhớ sang các dự án nghiên cứu mở. Khi sinh viên phải giải quyết các vấn đề thực tiễn, họ buộc phải tự học, tự đọc và ứng dụng CNTT để tìm kiếm giải pháp.

Về phía các tổ chức Đoàn, Hội sinh viên

Số hóa các phong trào văn hóa: Tổ chức các cuộc thi "Review sách online", "Đại sứ văn hóa đọc" trên các nền tảng mạng xã hội. Tạo ra các nhóm học tập ảo (Virtual Study Groups) nơi sinh viên cùng nhau chinh phục các chứng chỉ quốc tế trên Coursera hay edX. Xây dựng các không gian "Co-working space" hiện đại: Thư viện cần được thiết kế lại theo mô hình không gian mở, trang bị máy tính cấu hình cao và internet tốc độ lớn để kích thích tinh thần tự nghiên cứu.

Về phía cá nhân sinh viên – Chủ thể của quá trình tự học

Đây là yếu tố quyết định. Công nghệ chỉ là công cụ, tư duy của người dùng mới là động cơ.

Thiết lập "Kỷ luật số" (Digital Discipline): Sinh viên cần áp dụng các phương pháp quản lý thời gian như Pomodoro hoặc sử dụng các ứng dụng chặn thông báo (như Forest, Freedom) để tạo ra các khoảng thời gian "Đọc sâu" (Deep Work).

Xây dựng "Bộ não thứ hai" (Second Brain): Thay vì đọc xong rồi quên, sinh viên nên ứng dụng phương pháp Zettelkasten thông qua các phần mềm như Notion hoặc Obsidian. Việc liên kết các ghi chú số giúp kiến thức tự học được hệ thống hóa và dễ dàng truy xuất sau nhiều năm.

Tư duy chọn lọc và phản biện: Trước khi tiếp nhận bất kỳ thông tin nào từ Internet hay AI, sinh viên cần đặt câu hỏi: "Nguồn này có uy tín không?", "Tại sao AI lại đưa ra câu trả lời này?". Việc tự vấn giúp duy trì tính độc lập trong tư duy, tránh lệ thuộc hoàn toàn vào thuật toán.

III. KẾT LUẬN

Việc ứng dụng CNTT vào phát triển văn hóa đọc và năng lực tự học suốt đời không còn là một lựa chọn "có thì tốt", mà là một yêu cầu tự thân của sinh viên trong thời đại số. CNTT mang đến một đại dương tri thức không giới hạn, nhưng cũng chứa đựng những luồng xoáy xao nhãng và sự hời hợt trong tư duy.

Để trở thành một "người học suốt đời" thành công, sinh viên cần có sự kết hợp hài hòa giữa "Sức mạnh công nghệ" và "Bản lĩnh cá nhân". CNTT cung cấp phương tiện, nhưng văn hóa đọc và tinh thần tự học mới là kim chỉ nam dẫn lối. Khi mỗi sinh viên biết biến chiếc smartphone thành một thư viện di động, biến mỗi giờ lướt web thành một hành trình khám phá, khi đó nền giáo dục mới thực sự đạt tới mục tiêu cao cả nhất: Đào tạo ra những con người có khả năng tự giáo dục và phát triển không ngừng trong một thế giới đầy biến động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), Quyết định số 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".
- Nguyễn Việt Lộc (2020), Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: Cơ hội và thách thức, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Trần Thị Minh Nguyệt (2019), Văn hóa đọc của sinh viên trong môi trường số, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.
- Adler, M. J., & Van Doren, C. (2014). How to read a book: The classic guide to intelligent reading. Simon and Schuster.
- OECD. (2021). 21st-Century Readers: Developing Literacy Skills in a Digital World. PISA, OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/a83d84cb-en>